

VIỆT NAM
DÂN CHỦ CỘNG HÒA
ỦY BAN KHOA HỌC VÀ
KỸ THUẬT NHÀ NƯỚC
Viện Đo lường và
Tiêu chuẩn

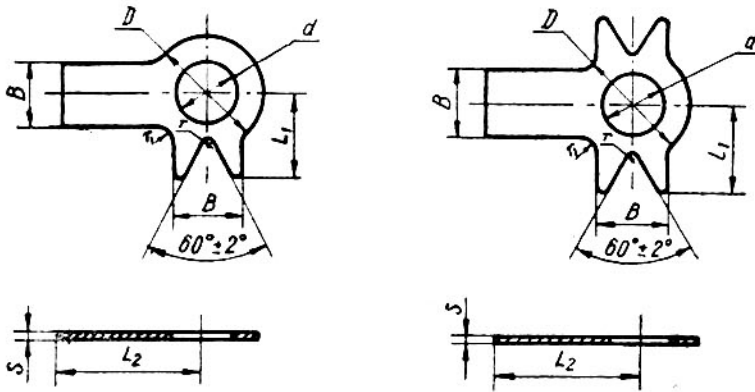
VÒNG ĐỆM HÃM CÓ NGẠNH

Kích thước

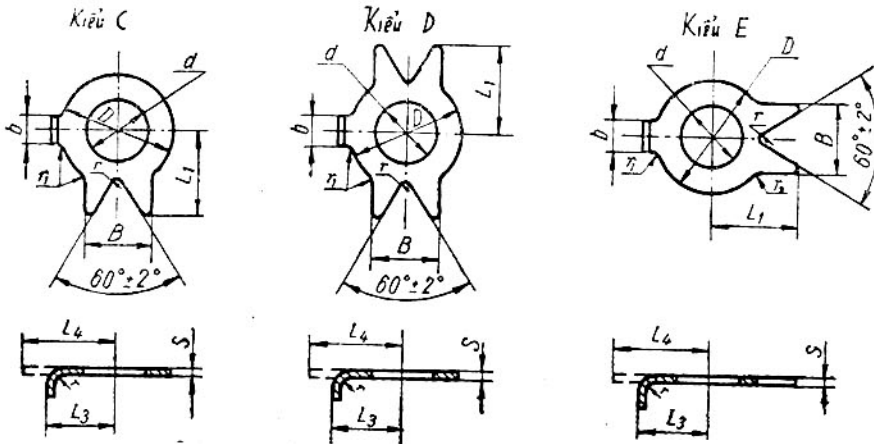
TCVN 348-70

Nhóm C

1. Hình dạng và kích thước của vòng đệm phải theo hình vẽ và bảng của tiêu chuẩn này.



Hình 9



Hình 10

Viện Đo lường và Tiêu chuẩn
biên soạn

Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước
duyet y ngày 13-11-1970

Có hiệu lực
từ 1-1-1972

mm

Đường kính danh nghĩa của ren	d		D		B		b		L ₁	L ₂	L ₃		L ₄	r	r ₁	S	△*
	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch giới hạn	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch giới hạn	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch giới hạn	Kích thước danh nghĩa	Sai lệch giới hạn			Kích thước danh nghĩa	Sai lệch giới hạn					
3	3,2	+ 0,3	5,5	- 0,3	3	- 0,25	2,5	- 0,25	5	12	4,5	± 0,2	7,5	0,5	0,5	0,5	0,25
4	4,2		7		4				7	14	5,5		8,5				
5	5,5		8	- 0,36	5	- 0,30			8	16	7,0		10				
6	6,5	+ 0,36	10		6		3,5		9	18	7,5	± 0,25	11,5	1	1		0,3
8	8,5		14	- 0,43	8	- 0,36			11	20	8,5		12,5				
10	10,5	+ 0,43	17		10		4,5	- 0,3	13	22	10		14				
12	12,5		19		12				16	28	12		16				
(14)	14,5		22		12				16	28	12		16				
16	16,5		24	- 0,52	15	- 0,43			20	32	15		± 0,3				
(18)	19	27		18		22	36	18	21	1,6							
20	21	+ 0,52	30		18		6		22	36	18		21				
(22)	23		32		20				25	42	20		26				
24	25		36	- 0,62	20				25	42	20		26				
(27)	28	+ 0,62	41		24	- 0,52	8	- 0,36	30	48	22	± 0,4	28	3			
30	31		46		26				32	52	25		32				
36	38		55		30				38	60	30		38				
42	44	65	- 0,74	36	- 0,62	44	70	36	± 0,5	44	4	1,5	0,5				
48	50	75		40		50	80	40	50								

: Δ - độ lệch cho phép của tâm vòng tròn đường kính D, trục đối xứng của ngành, của cửa, của cánh đối với tâm của lỗ đường kính d.

Chú thích:

- 1) Cố gắng không dùng những vòng đệm có đường kính ren nằm trong dấu ngoặc.
- 2) Sai lệch giới hạn của chiều dày S theo sai lệch giới hạn của vật liệu làm đệm để chế tạo vòng đệm.

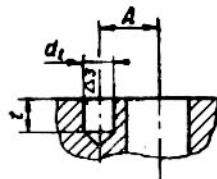
Vi dụ ký hiệu quy ước của vòng đệm kiểu A dùng cho bulông có đường kính danh nghĩa của ren 20 mm:

Vòng đệm A 20 TCVN 348-70

2. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử theo TCVN 351-70.
3. Bao gói và ghi nhãn theo TCVN 128-63

Phụ lục của TCVN 348-70

1) Lỗ điếc dùng cho cựa:

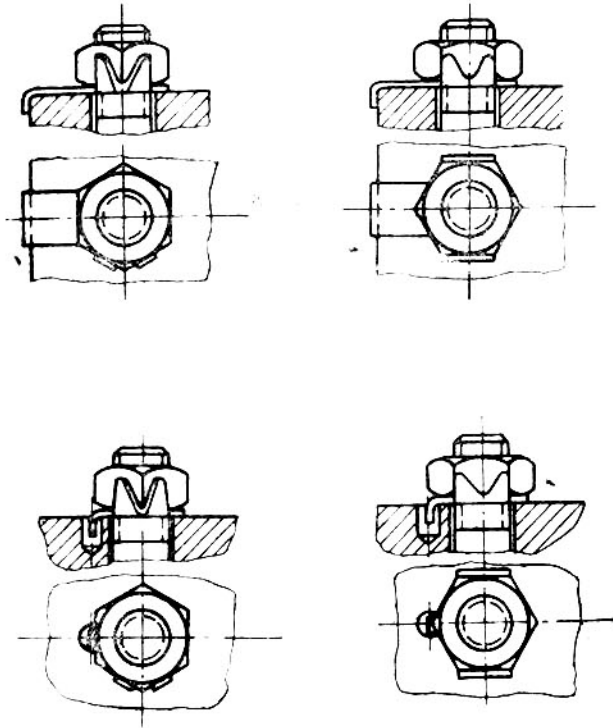


Hình 11.

mm

Đường kính danh nghĩa của ren		3	4	5	6	8	10	12	(14)	16	(18)	20	(22)	24	(27)	30	36	42	48	
A	kích thước danh nghĩa	4,3	5,3	6,8	7,3	8,1	9,6	11,5		14,5	17,5		19,5		21,2	24,2	29,2	35,2	39,2	
	sai lệch giới hạn	± 0,2		± 0,25						± 0,3										
d ₁	kích thước danh nghĩa	3		4			5		6		7		8		9		12		14	
	sai lệch giới hạn	± 0,25		± 0,3						+ 0,36						+ 0,43				
t	kích thước danh nghĩa	5			6				8						10			12		
	sai lệch giới hạn	+ 0,3				+ 0,36										+ 0,43				

2) Ví dụ áp dụng



Hình 12